

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22 /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 09/7/2021

V/v ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Trường Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Ngọc Thành

2. Bà Nguyễn Thị Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tiến Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hà X, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu Đ, phường H, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

- Bị đơn: Anh Phạm Xuân N, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn S, xã A, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

Người làm chứng:

- Ông Phạm Xuân T, sinh năm 1970 (vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Đều có địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương

- Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1963, địa chỉ: Khu Đ, phường H, Thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn trình bày như sau: Chị Nguyễn Thị Hà X và anh Phạm Xuân N tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 15 tháng 3 năm 2010 tại UBND xã A, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do bất

đồng quan điểm sống, anh N chơi bời, đua đòi, không quan tâm đến gia đình vợ con. Từ đó, dẫn đến vợ chồng không tin tưởng nhau về kinh tế. Mặc dù đã được gia đình hai bên cùng vợ khuyên bảo nhưng anh N không nghe. Cuộc sống chung giữa chị X và anh N không hạnh phúc nên chị X đã cùng hai con về nhà bố mẹ đẻ sống từ cuối năm 2017. Vợ chồng ly thân từ đó, không quan tâm đến nhau. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị X đề nghị xin ly hôn anh N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Khánh B, sinh ngày 21/3/2010 và Phạm Khánh P, sinh ngày 06/01/2012. Hiện nay, các con đang ở cùng chị X. Khi ly hôn, chị X xin nuôi cả 2 con và tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị làm công nhân, thu nhập trung bình một tháng khoảng 9.000.000đ - 10.000.000đ.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà đã nhiều lần triệu tập nhưng bị đơn cố tình không đến Tòa làm việc và không có quan điểm gì đối với yêu cầu của nguyên đơn.

- Lời khai của gia đình chị X, gia đình anh N và tài liệu xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện: Vợ chồng chị X, anh N sau một thời gian chung sống đã nảy sinh mâu thuẫn. Hai bên đã sống ly thân từ cuối năm 2017 đến nay. Bà Nguyễn Thị V là mẹ đẻ chị X có quan điểm: Sẽ hỗ trợ chị X chăm sóc cháu B và cháu P. Mẹ đẻ anh N là bà Nguyễn Thị N1 còn cung cấp: Anh N làm tự do, vẫn sinh sống cùng gia đình bà N1. Anh N đã nhận và nắm được nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án. Tuy nhiên, anh N từ chối không đến Tòa án làm việc.

Tại phiên toà, nguyên đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự: Về quan hệ hôn nhân, xử chị X ly hôn anh N. Về con chung: Giao con chung là Phạm Khánh B và Phạm Khánh P cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên. Chấp nhận tự nguyện của chị X không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng; những người làm chứng vắng mặt và đều có ý kiến đề nghị xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị X và anh N có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện Thanh Hà trên cơ sở tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn, chị X, anh N chỉ sống hạnh phúc trong một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không tin tưởng nhau về kinh tế. Thực tế, vợ chồng chị X, anh N đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mà không có cách nào cải thiện tình trạng giữa hai người, nên chị X làm đơn ly hôn anh N. Thông qua gia đình, anh N xác định vợ chồng ly thân đã lâu, không có khả năng đoàn tụ nên anh nhất trí ly hôn với chị X. Như vậy tình trạng hôn nhân của chị X, anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử chị X ly hôn anh N là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về quan hệ con chung: Vợ chồng chị X, anh N có 02 con chung là Phạm Khánh B, sinh ngày 21/3/2010 và Phạm Khánh P, sinh ngày 06/01/2012. Xét nguyện vọng của hai cháu và nguyện vọng xin nuôi cả hai con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con của chị X; thông qua gia đình, anh N nhất trí để chị X nuôi các con. Do vậy, cần giao con chung cho chị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình cũng như phù hợp với ý chí của các đương sự. Chấp nhận sự tự nguyện của chị X không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản, công sức, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Nguyễn Thị Hà X ly hôn anh Phạm Xuân N

2. Về con chung: Giao con chung Phạm Khánh B, sinh ngày 21/3/2010 và Phạm Khánh P, sinh ngày 06/01/2012 cho chị Nguyễn Thị Hà X tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên. Chấp nhận tự nguyện của chị X không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị X phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0003740 ngày 08/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đỗ Trường Giang